

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 52/2023/DS-GĐT

Ngày 28-11-2023

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy;

Ông Trần Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp thừa kế*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc C, sinh năm 1986; cư trú tại: Số 22, đường số 2, Khu dân cư Lê T, phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Từ Văn T, sinh năm 1959; cư trú tại: A6/13 Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Từ Văn T: Ông Hồ Tấn Q, sinh năm 1943; cư trú tại: Số 467/62A Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1956; cư trú tại: A6/13 Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Từ Thị H: Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976; cư trú tại: A6/12, Tổ 66, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2018).

2. Bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), sinh năm 1958; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: 807 UTAH Dr Apt # I W-S, NC 27107, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Từ Hồng H1: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964; cư trú tại: A6/13, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2015).

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964; cư trú tại: A6/13 Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Từ Thị T1, sinh năm 1968; cư trú tại: A7/5, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Từ Thị M, sinh năm 1970; cư trú tại: A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Từ Thị M: Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976; cư trú tại: A6/12, Tổ 66 Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2015).

6. Bà Từ Thị Bạch T2, sinh năm 1972; cư trú tại: A6/12A1, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Từ Thị Bạch T2: Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976; cư trú tại: A6/12, Tổ 66, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016).

7. Bà Từ Sương H3, sinh năm 1974; cư trú tại: A6/12A2, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976; cư trú tại: A6/12, Tổ 66, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1961;

10. Ông Từ Phước T3, sinh năm 1982;

11. Ông Từ Phước T4, sinh năm 1983;

12. Bà Từ Thị Kiều P, sinh năm 1986;

13. Ông Từ Hoàng P1, sinh năm 1995;

Cùng cư trú tại: 83/12/15 Bông S, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, Ông T3, Ông T4, bà P và ông P1: Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976; cư trú tại: A6/12, Tổ 66, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2017).

14. Ông Nguyễn Tô H4, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 24/6 Bông S, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Lê Ngọc P2, sinh năm 1961; cư trú tại: Số 933/22 Lò G, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Quốc C trình bày:

Ông bà ngoại của ông là cụ Từ Kim T5 (sinh năm 1927, chết năm 2009) và cụ Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1933, chết năm 2014). Hai cụ có 10 người con chung gồm:

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1956;
2. Bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), sinh năm 1958;
3. Ông Từ Văn T, sinh năm 1959;
4. Ông Từ Thành T6, (sinh năm 1961, chết năm 2006) có vợ là bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1961 và có 04 người con chung là: Ông Từ Phước T3, sinh năm 1982; ông Từ Phước T4, sinh năm 1983; bà Từ Thị Kiều P, sinh năm 1986 và ông Từ Hoàng P1, sinh năm 1995.
5. Bà Từ Thị T1, sinh năm 1968;
6. Bà Từ Thị M, sinh năm 1970;
7. Bà Từ Thị Bạch T2, sinh năm 1972;
8. Bà Từ Sương H3, sinh năm 1974;
9. Bà Từ Hoa L, sinh năm 1976;
10. Bà Từ Thị B (sinh năm 1964, chết ngày 09/7/1988) có chồng là ông Lê Ngọc P2, sinh năm 1961 và con chung là ông Lê Quốc C, sinh năm 1986.

Nguồn gốc nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là nhà đất số A6/12) là do cụ Nguyễn Văn H5 (là cha của cụ H2 và là cô của ông) đứng tên và xây dựng năm 1962. Năm 1963, cụ Học tặng cho riêng cụ H2 căn nhà nêu trên. Sau khi cụ H2 chết thì ông Từ Văn T là người quản lý, sử dụng đối với toàn bộ nhà đất này.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ H2 để lại là nhà đất số A6/12 theo pháp luật. Ông không đồng ý với Di chúc ngày 10/9/2021 của cụ H2 lập tại Văn phòng Luật sư GP.

Ông xác định ông không bỏ tiền để xây dựng, sửa chữa nhà đất số A6/12 và chi phí tiền khám chữa bệnh, mai táng cho cụ H2 là của cụ H2. Do đó, ông không yêu cầu khấu trừ các khoản tiền xây dựng, sửa chữa nhà đất số A6/12, chi phí khám chữa bệnh và mai táng trước khi chia thừa kế đối với nhà đất số A6/12.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2019, ông xác định nhà đất số A6/12 là di sản của cụ T5 và cụ H2. Ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T5 và cụ H2; phần di sản ông được hưởng là 1,6/22 giá trị nhà đất nêu trên.

Bị đơn là ông Từ Văn T do ông Hồ Tấn Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ của ông T là cụ T5 và cụ H2 có 10 người con chung như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nguồn gốc nhà đất số A6/12 là của cụ H5 tặng cho riêng cụ H2. Năm 2009, cụ T5 chết không để lại di chúc. Ngày 10/9/2012, cụ H2 lập di chúc để ông T thừa kế $\frac{1}{2}$ nhà đất số A6/12.

Ngày 30/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện Bình C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 725173 cho người sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là cụ Nguyễn Thị H2. Năm 2014, cụ H2 chết, ông T là người quản lý, sử dụng đối với toàn bộ nhà đất này. Đến nay, ông T chưa khai nhận thừa kế di sản theo di chúc của cụ H2, do các anh chị em của ông T tranh chấp và khởi kiện tại Tòa án.

Quyền sử dụng đất là của cụ H2, nhưng phần xây dựng nhà là do bà Từ Hồng H1 ở Hoa Kỳ gửi tiền về cho cụ H2 sửa chữa, xây dựng nhà. Bà H1 không yêu cầu khấu trừ giá trị xây dựng nhà trước khi chia thừa kế. Từ năm 1995 đến nay, căn nhà này được xây mới toàn bộ và sửa chữa nhiều lần, cụ thể sửa chữa những hạng mục nào, chi phí sửa chữa là bao nhiêu, thời gian sửa chữa ông T không nhớ rõ; việc xây dựng, sửa chữa đều không xin phép.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số A6/12, ông T không đồng ý. Ông T chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với $\frac{1}{2}$ nhà đất số A6/12, còn lại $\frac{1}{2}$ nhà đất số A6/12 ông T yêu cầu được hưởng theo Di chúc cụ H2 lập ngày 10/9/2012.

Hiện nay, nhà đất số A6/12 chỉ có vợ chồng ông T kinh doanh phía trước nhà và có ông Nguyễn Tô H4 là chồng của bà T2 kinh doanh sửa xe máy vào ban ngày, buổi tối không có ai ở đây. Ngoài ra, nhà đất số A6/12 không cho ai thuê mướn, vẫn do vợ chồng ông T trực tiếp quản lý.

Chi phí khám chữa bệnh và mai táng cho cụ H2 là tiền của cụ H2 và một phần do ông T bỏ ra. Ông T không yêu cầu khấu trừ các khoản tiền xây dựng, sửa chữa nhà đất số A6/12, chi phí khám chữa bệnh và mai táng cụ H2 trước khi chia thừa kế đối với nhà đất số A6/12.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: bà Từ Sương H3, bà Từ Thị T1, bà Từ Hoa L, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Thị M (bà T2, bà M do bà Từ Hoa L là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Các bà cùng xác định nhà đất số A6/12 là di sản của cha mẹ (cụ T5 và cụ H2) để lại. Các bà có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T5, cụ H2; cụ thể: mỗi người được hưởng kỷ phần của cụ T5 là $\frac{1}{22}$ căn nhà, được hưởng kỷ phần của cụ H2 là $\frac{0,6}{22}$ căn nhà; tổng kỷ phần mỗi người được hưởng là $\frac{1}{22} + \frac{0,6}{22} = \frac{1,6}{22}$ nhà đất số A6/12.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: bà Nguyễn Thị Thu V, ông Từ Phước T3, ông Từ Phước T4, bà Từ Thị Kiều P, ông Từ Hoàng P1 (là vợ, con của ông Từ Thành T6) do bà Từ Hoa L là người đại

diện theo ủy quyền trình bày: Yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông, bà nội (cụ T5 và cụ H2) để lại; cụ thể: các ông, bà được hưởng kỷ phần thừa kế của ông nội là 1/22 căn nhà, được hưởng kỷ phần của bà nội là 0,6/22 căn nhà; tổng kỷ phần các ông, bà được hưởng chung là $1/22 + 0,6/22 = 1,6/22$ nhà đất số A6/12.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2, bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu) do bà Nguyễn Thị H2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Từ Văn T. Trường hợp được chia thừa kế theo pháp luật, xin nhận kỷ phần thừa kế của mình theo quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tô H4 (là chồng bà Từ Bạch T2) trình bày: Hiện ông đang thuê phía trước căn nhà số A6/12 để làm tiệm rửa xe, việc thuê nhà không làm hợp đồng, hàng tháng ông đưa tiền thuê nhà cho bà T1 không lập biên nhận. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc thuê nhà. Ông không tranh chấp gì đối với tài sản thuộc sở hữu của gia đình bà T2. Ông xin chấp nhận mọi phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Ông yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc P2 trình bày: Trước đây ông là chồng của bà Từ Thị B. Sau khi bà Từ Thị B chết, năm 1990, ông đã kết hôn với bà Võ Thị Thu T7. Ông không có ý kiến và không tranh chấp gì về tài sản với bà B cũng như tài sản của gia đình bà B. Ông yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc C về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Từ Thị H, bà Từ Thị T1, bà Từ Thị M, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Sương H3, bà Từ Hoa L và các đồng thừa kế là con của ông Từ Thành T6 - Từ Phước T3, Từ Phước T4, Từ Thị Kiều P, Từ Hoàng P1, về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 để lại là nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Từ Văn T về việc hưởng thừa kế di sản của cụ H2 theo di chúc đối với nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công nhận nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN725173, vào sổ cấp giấy số CH3505

ngày 30/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Bình C cấp giấy chứng nhận) là di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu V về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần di sản của bà V yêu cầu không được chấp nhận là 4/275 nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Công nhận Di chúc của cụ Nguyễn Thị H2 lập ngày 10/9/2012 là di chúc hợp pháp.

7. Xác định người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 là: Cụ Nguyễn Thị H2 (vợ cụ T5), bà Từ Thị H, bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), ông Từ Văn T, bà Từ Thị T1, bà Từ Thị M, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Sương H3, bà Từ Hoa L.

8. Xác định người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị H2 là: Bà Từ Thị H, bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), ông Từ Văn T, bà Từ Thị T1, bà Từ Thị M, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Sương H3, bà Từ Hoa L.

9. Xác định người thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị H2 là ông Từ Văn T.

10. Xác định bốn người con của ông Từ Thành T6 là: Ông Từ Phước T3, ông Từ Phước T4, bà Từ Thị Kiều P, ông Từ Hoàng P1 là thừa kế thế vị được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2.

11. Xác định ông Lê Quốc C (con bà Từ Thị B) là thừa kế thế vị, được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2.

12. Di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 được phân chia như sau:

12.1. Ông Lê Quốc C được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là 16/220 nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

12.2. Ông Từ Văn T được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là 76/220 nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

12.3. Bà Từ Thị H, bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), bà Từ Thị T1, bà Từ Thị M, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Sương H3, bà Từ Hoa L, mỗi người được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là 16/220 nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

12.4. Bốn người con của ông Từ Thành T6 là ông Từ Phước T3, ông Từ Phước T4, bà Từ Thị Kiều P, ông Từ Hoàng P1, mỗi người được hưởng di sản của cụ Từ Kim T5 và cụ Nguyễn Thị H2 là 4/220 nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, một trong các đồng thừa kế nêu trên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thủ tục bán đấu giá nhà đất số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN725173, vào sổ cấp giấy số CH3505 ngày 30/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Bình C cấp giấy chứng nhận) để các đồng thừa kế nhận di sản thừa kế theo tỉ lệ kỷ phần được chia tại mục 12 của phần Quyết định này tương ứng với giá trị nhà đất tại thời điểm bán đấu giá.

14. Vợ chồng ông Từ Văn T, bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Tô H4 phải có nghĩa vụ di dời đến nơi khác để kinh doanh, di dời toàn bộ vật dụng trong nhà và giao nhà đất trống số A6/12, Ấp 2, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cho người mua được nhà qua thủ tục bán đấu giá.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/02/2020, ông Từ Văn T kháng cáo yêu cầu được chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông.

Ngày 25/02/2020, bà Nguyễn Thị H2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Từ Hồng H2 kháng cáo yêu cầu ghi nhận suất thừa kế của bà Từ Hồng H1 nhường cho ông T.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2022/DS-PT ngày 21/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Từ Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 27/9/2022, ông Từ Văn T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 48/2023/KN-DS ngày 22/9/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2022/DS-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2022/DS-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Từ Kim T5 (sinh năm 1927, chết năm 2009) và cụ Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1933, chết năm 2014). Hai cụ có 10 người con chung gồm: Bà Từ Thị H, bà Từ Hồng H1 (H1 Hong Tu), ông Từ Văn T, ông Từ Thành T6 (chết năm 2006), bà Từ Thị T1, bà Từ Thị M, bà Từ Thị Bạch T2, bà Từ Sương H3, bà Từ Hoa L, bà Từ Thị B (chết năm 1988). Tài sản hai cụ để lại là nhà đất số A6/12.

[2] Năm 2009, cụ T5 chết không để lại di chúc. Năm 2014, cụ H2 chết, có để lại Di chúc bằng văn bản lập ngày 10/9/2012 tại Văn phòng Luật sư GP, có ba người làm chứng là Luật sư Nguyễn Quang M1, ông Văn Cảnh B1 và bà Nguyễn Thị D. Nội dung di chúc của cụ H2 có nội dung: Sau khi cụ H2 chết, cụ chuyển 50% của toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ (kể cả phần cụ được hưởng di sản của cụ T5) tại nhà đất số A6/12 cho ông Từ Văn T được hưởng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ T5 theo pháp luật; 50% di sản thừa kế của cụ H2 chia theo Di chúc của cụ H2 cho ông T và 50% di sản thừa kế của cụ H2 chia theo pháp luật là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định các đồng thừa kế, ai cũng yêu cầu được nhận nhà để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ nhưng các đồng thừa kế đều không thỏa thuận được về người nhận hiện vật, giá trị hiện vật; từ đó, quyết định bán đấu giá nhà đất số A6/12 để chia giá trị theo kỹ phần cho các đồng thừa kế là không có căn cứ, vì theo quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chỉ bán di sản để chia bằng giá trị khi di sản không thể chia đều được bằng hiện vật.

[5] Trong trường hợp này, các thừa kế khác của hai cụ chỉ được hưởng phần di sản nhỏ không thể chia cho họ bằng hiện vật, nhưng đối với bị đơn là ông T thì kỹ phần của ông T được hưởng là 76/220 di sản và được hưởng thêm kỹ phần thừa kế do bà Từ Hồng H1 nhượng là 16/220, tổng cộng là 92/220 di sản chiếm 41,82% di sản thừa kế của hai cụ. Hơn nữa, ông T lại là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất này và cũng đồng ý trả lại giá trị di sản cho các thừa kế khác để được nhận nhà đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông T là không đúng quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 và không đảm bảo quyền lợi của ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 48/2023/KN-DS ngày 22/9/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2022/DS-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án dân sự “*Tranh chấp thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Lê Quốc C với bị đơn là ông Từ Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), TKTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh